

Đổi mới cơ chế hoạt động của tổ chức nghiên cứu khoa học công nghệ

Đỗ Tuấn Thành *

Tóm tắt: Nghị định của Chính phủ số 115/2005/NĐ-CP ngày 05 tháng 9 năm 2005 quy định cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của tổ chức khoa học và công nghệ công lập nhằm tăng cường trách nhiệm và nâng cao tinh thần tích cực, chủ động sáng tạo của tổ chức khoa học và công nghệ. Điều đó đã tạo điều kiện nâng cao hiệu quả hoạt động của các tổ chức khoa học và công nghệ, từng bước nâng cao tiềm lực khoa học và công nghệ của Việt Nam. Bài viết phân tích thực trạng và giải pháp đổi mới cơ chế hoạt động của tổ chức nghiên cứu khoa học và công nghệ.

Từ khóa: Khoa học và công nghệ; đổi mới; cơ chế; Việt Nam.

1. Thực trạng đổi mới cơ chế hoạt động của tổ chức nghiên cứu khoa học và công nghệ

Thực hiện công cuộc cải cách hành chính, trên cơ sở tiếp thu tổng kết, đánh giá rút kinh nghiệm đưa ra các phương hướng, bài học từ Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2001 - 2010, Chính phủ đã ban hành: Nghị quyết số 30c/NQ-CP ngày 08 tháng 11 năm 2011 về chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011 - 2020 (gọi tắt là Nghị quyết số 30c/NQ-CP); Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 13 tháng 6 năm 2013 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 30c/NQ-CP ngày 08 tháng 11 năm 2011 của Chính phủ. Các Nghị quyết này đã xác định Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011 - 2020; cũng khẳng định rõ trách nhiệm của mỗi cơ quan, bộ, ngành.

Trong từng giai đoạn, các văn bản quy phạm pháp luật liên tục được sửa đổi, bổ sung; đổi mới theo Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước; góp phần hoàn thiện từng bước hệ thống quy định quản lý, định hướng hoạt động lĩnh vực

khoa học và công nghệ. Tinh thần đổi mới mạnh mẽ về cơ chế quản lý, tổ chức và hoạt động của cả hệ thống và mỗi tổ chức khoa học và công nghệ là khâu đột phá để thúc đẩy sự phát triển và nâng cao hiệu quả trong hoạt động khoa học và công nghệ. Nhiều chính sách đã thể hiện tư tưởng đổi mới và có tác dụng tích cực: cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm được tăng lên; chế độ chính sách về tiền lương được điều chỉnh gắn với nghiệp vụ chuyên môn và tiêu chuẩn hóa chức danh đảm nhiệm; việc thu hút và vinh danh các nhà khoa học tài năng hoặc có nhiều đóng góp trong lĩnh vực khoa học và công nghệ đã có những kết quả đáng kể.

Nghị định số 115/2005/NĐ-CP của Chính phủ đã góp phần thúc đẩy hoạt động của các tổ chức khoa học và công nghệ theo cơ chế thị trường như tự chủ về cơ cấu tổ chức, chủ động tìm kiếm công việc và tổ chức thực hiện. Các cơ chế quản lý được bổ sung hoàn thiện bằng những quy định rõ ràng, minh bạch. Điều đó tạo ra được sự gắn kết giữa kết quả nghiên cứu khoa học

(*) Thạc sĩ, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.
ĐT: 0936811818. Email: tthanh1818@yahoo.com.vn

với sản xuất kinh doanh, phát huy được các tiềm năng về cơ sở vật chất, nguồn nhân lực và nguồn tài chính.

Hệ thống quy phạm trong lĩnh vực hoạt động khoa học và công nghệ về tổ chức và hoạt động, về cơ cấu và mô hình của đơn vị nghiên cứu khoa học và công nghệ cơ bản đã bao quát khá đầy đủ các vấn đề về tổ chức bộ máy, về cơ cấu, mô hình và loại hình tổ chức hoạt động; từng bước đáp ứng nhu cầu khách quan phát sinh trong quá trình hoạt động quản lý nhà nước; từng bước tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong loại hình tổ chức hoạt động trước đây. Bên cạnh đó, các cơ quan theo chức năng quản lý nhà nước đã cụ thể hóa các quy định của Đảng và Nhà nước phù hợp với đặc điểm, tính chất và tình hình hoạt động riêng của từng ngành, lĩnh vực hoạt động, mô hình, loại hình hoạt động của đơn vị khoa học và công nghệ cơ sở. Việc cụ thể hóa đó là căn cứ pháp lý cho việc quản lý, xây dựng và nâng cao chất lượng tổ chức khoa học, công nghệ phù hợp. Việc xây dựng và hoàn thiện cơ chế quản lý tổ chức và hoạt động trong lĩnh vực khoa học và công nghệ đã được các bộ, ngành, cơ quan chức năng quan tâm đúng mức; đáp ứng được tính đặc thù trong lĩnh vực khoa học và công nghệ; tạo điều kiện để các đơn vị sự nghiệp khoa học và công nghệ thực hiện xây dựng và tổ chức hoạt động hiệu quả và chất lượng.

Tuy vậy, hiện nay một số quy định hướng dẫn thực hiện cơ chế tự chủ, cũng như việc trao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm cho các tổ chức sự nghiệp nghiên cứu khoa học và công nghệ công lập, còn nhiều hạn chế và bất cập. Do đó, các tổ chức, đơn vị nghiên cứu khoa học và công nghệ chưa thực sự được thực hiện quyền chủ động trong tổ chức hoạt động và quản lý nguồn nhân lực khoa học của mình. Quy

định số người làm việc theo vị trí trong các cơ quan khoa học và công nghệ thuộc lĩnh vực nghiên cứu cơ bản, hoạch định, tư vấn chính sách như hiện nay còn thiếu căn cứ khoa học, còn gây khó khăn trong việc xác định tính chất công việc. Điều đó đã làm hạn chế công tác quy hoạch phát triển tổ chức khoa học và công nghệ trong giai đoạn hội nhập quốc tế sâu rộng hiện nay. Cũng do cơ chế chính sách thiếu đồng bộ, nên sự phối hợp chặt chẽ giữa các ngành trong hoạt động nghiên cứu đa ngành còn hạn chế.

Mặt khác, cơ chế tổ chức và quản lý hoạt động khoa học và công nghệ chưa thật sự phù hợp với thực trạng hoạt động của khoa học và công nghệ. Hệ thống tiêu chuẩn chức danh viên chức khoa học và công nghệ chưa đáp ứng kịp với yêu cầu đổi mới, còn nhiều bất cập trong quản lý đội ngũ công chức, viên chức trong lĩnh vực hoạt động khoa học và công nghệ. Chế độ đãi ngộ, chính sách tiền lương chưa đủ tái sản xuất sức lao động và còn nhiều bất hợp lý. Các quy định về quyền hạn và trách nhiệm của những người trực tiếp làm công tác nghiên cứu khoa học còn thiếu tính cụ thể, rõ ràng và vẫn còn những ràng buộc bất hợp lý. Cơ chế hoạt động của các tổ chức khoa học và công nghệ còn nặng về quản lý đầu vào, thiếu hành lang pháp lý bảo đảm cho thị trường khoa học công nghệ phát triển.

2. Giải pháp đẩy mạnh đổi mới cơ chế hoạt động của tổ chức nghiên cứu khoa học và công nghệ

Thứ nhất, tạo lập môi trường cạnh tranh lành mạnh, góp phần nâng cao chất lượng tổ chức khoa học và công nghệ. Xây dựng cơ chế quản lý tổ chức và hoạt động linh hoạt, chủ động phù hợp với đặc thù của lĩnh vực khoa học và công nghệ, phù hợp với xu hướng đẩy mạnh cải cách nền hành chính nhà nước nói chung, cải cách nâng cao chất lượng và hiệu quả tổ chức khoa học và công

nghệ nói riêng. Nâng cao tính thích ứng và linh hoạt với cơ chế thị trường, góp phần nâng cao chất lượng tổ chức và hoạt động khoa học và công nghệ; tăng quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm nhiều hơn nữa cho các đơn vị sự nghiệp khoa học và công nghệ công lập; tăng cường công tác đánh giá chất lượng tổ chức khoa học và công nghệ hàng năm, 5 năm và cả quá trình hoạt động, từ đó xây dựng bộ tiêu chí định giá tiêu chuẩn, loại hình tổ chức nghiên cứu khoa học và công nghệ.

Thứ hai, hoàn thiện hệ thống các quy phạm pháp luật về quản lý tổ chức và hoạt động của đơn vị nghiên cứu khoa học và công nghệ để tạo cơ sở cho việc quản lý và nâng cao chất lượng, loại hình tổ chức khoa học và công nghệ. Xây dựng các trung tâm nghiên cứu hiện đại, làm hạt nhân cho việc nghiên cứu, phát triển và ứng dụng khoa học và công nghệ ở các lĩnh vực được ưu tiên. Phát triển, nâng cao năng lực hệ thống các tổ chức dịch vụ khoa học và công nghệ, đáp ứng yêu cầu phát triển thị trường khoa học và công nghệ, phù hợp với trình độ phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, thích ứng với sự đổi mới của cơ chế quản lý kinh tế - xã hội trong thời kỳ mới.

Thứ ba, đổi mới hệ thống tổ chức và cơ chế hoạt động của các tổ chức khoa học và công nghệ. Xây dựng cơ chế trao quyền chủ động thực sự trong công tác quản lý nguồn nhân lực khoa học và công nghệ. Bãi bỏ các quy định cứng nhắc về việc giao định mức chỉ tiêu biên chế và kinh phí hoạt động cho các cơ quan nghiên cứu khoa học và công nghệ. Ban hành các quy định cụ thể, rõ ràng hơn nữa trong việc hướng dẫn, chỉ đạo, thực hiện cơ chế tự chủ, gắn trách nhiệm với kết quả, hiệu quả hoạt động của cá nhân và tổ chức khoa học và công nghệ.

Thứ tư, tăng cường phối kết hợp giữa các bộ, ban, ngành chức năng một cách thường xuyên, liên tục, đồng bộ để thống

nhất trong việc xây dựng và ban hành hệ thống quy định quản lý một cách hiệu quả; đổi mới mạnh mẽ, đồng bộ hệ thống quy định quản lý công chức, viên chức khoa học để phát huy được năng lực hiện có, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội trong tương lai.

Thứ năm, sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy theo chức năng, nhiệm vụ; thiết lập mối quan hệ công tác hợp lý hơn; không ngừng đổi mới nội dung, phương thức hoạt động thích ứng với nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Đa dạng hoá các nguồn vốn đầu tư khoa học xã hội bằng con đường thực hiện các chương trình, đề tài, dự án khoa học với các bộ, ngành và địa phương, các tổ chức, doanh nghiệp trong và ngoài nước thông qua các dịch vụ khoa học; đồng thời, tạo hành lang pháp lý cho phép các cơ quan, tổ chức khoa học xã hội tự tìm kiếm, huy động các nguồn vốn phục vụ nghiên cứu và đào tạo không trái với pháp luật. Đổi mới cơ chế quản lý đối với hoạt động khoa học xã hội, khắc phục triệt để tình trạng hành chính hoá trong việc quản lý hoạt động khoa học xã hội bằng cách đổi mới căn bản cơ chế phân bổ, quản lý và sử dụng ngân sách nhà nước. Xây dựng các quy định đầu tư, phân bổ ngân sách nhà nước có căn cứ khoa học theo loại hình nghiên cứu. Ưu tiên đầu tư cho nghiên cứu cơ bản, nghiên cứu lý luận, hoạch định đường lối, chính sách; chú trọng đúng mức đầu tư để hoàn thành dứt điểm những quy trình, phát minh sáng chế, các lĩnh vực cần có sản phẩm cụ thể. Áp dụng rộng rãi, triệt để và khách quan chế độ hợp đồng quỹ lương đối với cán bộ nghiên cứu và đào tạo về khoa học xã hội, nhằm tạo cho các lĩnh vực khoa học này một đội ngũ cán bộ có hoài bão và lý tưởng, có tinh thần trách nhiệm, có trình độ chuyên môn và học vấn cao đáp ứng được yêu cầu phát triển lâu dài của đất nước cũng như sự phát triển trong

từng lĩnh vực khoa học xã hội. Xây dựng cơ chế, chính sách đầu tư và bảo hộ cho khoa học và công nghệ. Xây dựng chế độ chính sách đặc biệt cho đội ngũ các chuyên gia đầu ngành trong các lĩnh vực khoa học và công nghệ.

Tài liệu tham khảo

1. Đinh Văn Ân, Võ Trí Thành (2002), *Thế chế - cái cách thế chế và phát triển. Lý luận về thực tiễn ở nước ngoài và Việt Nam*, Nxb Thống kê, Hà Nội.
2. Ban Chấp hành Trung ương Đảng (2012), *Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 01 tháng 11 năm 2012 về phát triển khoa học và công nghệ phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế*.
3. Bộ Khoa học và Công nghệ - Bộ Tài chính - Bộ Nội vụ (2006), *Thông tư liên tịch số 12/2006/TTLT-BKH-CN-BTC-BNV ngày 05 tháng 6 năm 2006 hướng dẫn thực hiện Nghị định số 115/2005/NĐ-CP ngày 05 tháng 9 năm 2005 quy định cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của tổ chức khoa học và công nghệ công lập*.
4. Bộ Khoa học và Công nghệ - Bộ Tài chính - Bộ Nội vụ (2011), *Thông tư liên tịch số 36/2011/TTLT-BKH-CN-BTC-BNV ngày 26 tháng 12 năm 2011 sửa đổi, bổ sung Thông tư liên tịch số 12/2006/TTLT-BKH-CN-BTC-BNV ngày 05 tháng 6 năm 2006 hướng dẫn thực hiện Nghị định số 115/2005/NĐ-CP ngày 05 tháng 9 năm 2005 quy định cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của tổ chức khoa học và công nghệ công lập*.
5. Business Edge (2007), *Bản chất quản trị nguồn nhân lực - gây dựng đội quan tinh nhuệ*, Nxb Trẻ, Hà Nội.
6. Chính phủ (2012), *Nghị định số 109/2012/NĐ-CP quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam*.
7. Chính phủ (2013), *Nghị định số 217/2013/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 109/2012/NĐ-CP quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam*.
8. Chính phủ (2005), *Nghị định số 115/2005/NĐ-CP ngày 05 tháng 9 năm 2005 quy định cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của tổ chức khoa học và công nghệ công lập*.
9. Chính phủ (2007), *Nghị định số 80/2007/NĐ-CP ngày 19 tháng 5 năm 2007 về doanh nghiệp khoa học và công nghệ*.
10. Chính phủ (2010), *Nghị định số 96/2010/NĐ-CP ngày 20 tháng 9 năm 2010 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2005/NĐ-CP ngày 05 tháng 9 năm 2005 quy định cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của tổ chức khoa học và công nghệ công lập và Nghị định số 80/2007/NĐ-CP ngày 19 tháng 5 năm 2007 về doanh nghiệp khoa học và công nghệ*.
11. Chính phủ (2010), *Nghị quyết số 30c/NQ-CP về Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2010 - 2020*.
12. Đảng Cộng sản Việt Nam (2001), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
13. Đảng Cộng sản Việt Nam (2004), *Văn kiện Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương Khóa IX*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
14. Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
15. Lê Thị Thu Hằng (2010), “Đổi mới chính sách nhân lực góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động nghiên cứu khoa học xã hội ở các cơ quan trung ương”, *Tạp chí Khoa học xã hội miền Trung*, số 3 (11).
16. Quốc hội (2013), *Hiến pháp năm 2013*.
17. Quốc hội (2008), *Luật Cán bộ, công chức*.
18. Quốc hội (2013), *Luật Khoa học và Công nghệ*.
19. Quốc hội (2010), *Luật Viên chức*.
20. Thủ tướng Chính phủ (2012), *Quyết định số 418/QĐ-TTg ngày 11 tháng 4 năm 2012 về việc phê duyệt Chiến lược phát triển Khoa học và công nghệ Việt Nam giai đoạn 2011- 2020*.
21. Thủ tướng Chính phủ (2015), *Quyết định số 492/QĐ-TTg ngày 13 tháng 4 năm 2015 phê duyệt Quy hoạch định hướng phát triển Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030*.

